

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, Trung cấp đợt 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/9/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở Trường TH Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 61/QĐ-TMDL ngày 22/02/2024 của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội về việc ban hành "Quy định quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng" tại trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, Trung cấp đợt 3 năm 2024 (gồm 110 thí sinh, có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Phòng, Khoa, Trung tâm, các Ông (Bà) có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Sở LĐTB&XH (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trịnh Thị Thu Hà

DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP ĐỢT 3 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo quyết định số: 440/QĐ-TMDL ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường CĐ Thương mại và Du lịch Hà Nội)

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
I	Hệ Cao đẳng						
1	746	Đinh Thị Thu Hương	08/04/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
2	747	Lê Thị Chi	15/12/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
3	748	Tạ Văn Mạnh Tùng	11/08/2002	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
4	749	Chu Khánh Toàn	24/03/2004	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
5	750	Nguyễn Trọng Thế	01/02/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
6	751	Phan Huy Hoàng	12/09/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
7	752	Nguyễn Anh Duy	06/09/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
8	753	Đỗ Quang Trọng	17/02/2005	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
9	754	Lê Anh Quân	09/08/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
10	755	Đoàn Anh Tuấn	20/08/2002	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
11	756	Phan Nhật Tân	02/10/1998	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
12	757	Nguyễn Ngọc Thịnh	27/02/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
13	758	Nguyễn Quang Thảo	05/07/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
14	759	Lê Nguyễn Hải Đăng	30/03/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
15	760	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	30/04/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
16	761	Lê Thị Huế	17/09/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
17	762	Nguyễn Thế Tài	05/06/2003	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
18	763	Hoàng Anh Tuấn	27/09/2003	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
19	764	Nguyễn Trung Hiếu	30/11/2001	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
20	765	Nguyễn Văn Nam	13/08/2003	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
21	766	Vũ Trung Thành	05/11/2001	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
22	767	Vũ Trung Kiên	10/09/1999	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
23	768	Lê Thị Thảo Vi	05/07/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
24	769	Lương Tuấn Bách	14/5/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
25	770	Bùi Đình Phúc	05/04/2005	Nam	6340122	Hướng dẫn du lịch	
26	771	Trần Anh Tuấn	13/11/2002	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
27	772	Phạm Lê Minh Châu	25/07/2004	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
28	773	Nguyễn Trọng Đạt	26/03/2005	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
29	774	Trần Thị Hanh	16/08/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
30	775	Đinh Thị Linh Nhi	30/09/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
31	776	Trần Thuý Anh	31/01/2003	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
32	777	Nguyễn Ngọc Lâm	20/10/2005	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
33	778	Khuất Thị Kim Thanh	16/12/2004	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
34	779	Nguyễn Đăng Phương Thảo	02/11/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
35	780	Nguyễn Thị Ngọc Mai	02/11/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
36	781	Nguyễn Lệnh Minh Hiếu	06/02/2006	Nam	6340301	Kế toán	
37	782	Đỗ Hoàng Huy Anh	26/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
38	783	Đinh Nam Nguyên Vũ	11/12/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
39	784	Nguyễn Đức Long	10/12/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
40	785	Bùi Bá Khánh	22/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
41	786	Phạm Trường Vũ	18/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
42	787	Bế Thị Thuý	02/01/2005	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
43	788	Nguyễn Văn Mạnh	27/03/2000	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
44	789	Phí Quang Thiện	26/10/2002	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
45	790	Nguyễn Thị Khánh Ly	05/10/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
46	791	Nguyễn Văn Thuần	16/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
47	792	Trịnh Thị Ngọc Linh	23/09/2004	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
48	793	Nguyễn Thế Long	20/06/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
49	794	Lê Minh Hiếu	21/10/2004	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
50	795	Nguyễn Sỹ Trường	25/01/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
51	796	Trần Văn Huỳnh	26/07/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
52	797	Nguyễn Văn Tuấn	31/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
53	798	Trần Huy Đạt	06/07/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
54	799	Đoàn Trung Hiếu	16/08/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
55	800	Nguyễn Bá Nam	12/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
56	801	Nguyễn Đình Thành	16/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
57	802	Từ Huy Dũng	17/09/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
58	803	Nguyễn Hoàng Phúc	06/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
59	804	Nguyễn Văn Tài	24/02/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
60	805	Nguyễn Thúy Quỳnh	15/11/2005	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
61	806	Cần Thị Xuân	06/08/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
62	807	Hoàng Văn Nam	19/08/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
63	808	Hoàng Chí Kiên	30/06/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
64	809	Đoàn Văn Tuấn	15/05/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
65	810	Vũ Hải Ly	18/01/2003	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
66	811	Nguyễn Minh Hoạt	03/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
67	812	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	16/08/2002	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
68	813	Hạng Quang Long	18/03/1998	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
69	814	Nguyễn Thế Linh	21/05/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
70	815	Đỗ Thành Đạt	01/08/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
71	816	Đỗ Văn Hiếu	09/11/2002	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
72	817	Bùi Trung Hiếu	17/01/2004	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
73	818	Nguyễn Tiến Dũng	16/08/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
74	819	Ngô Thị Thùy Linh	30/11/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
75	820	Phan Văn Quyết	25/07/2005	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
76	821	Nguyễn Thái Huy	31/05/2001	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
77	822	Bùi Thanh Sơn	14/01/2002	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
78	823	Nguyễn Đình Đức	27/11/2001	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
79	824	Chu Khánh Linh	15/05/2005	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
80	825	Nguyễn Giang Long	30/03/2000	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
81	826	Hoàng Nghiêm Minh	17/06/2005	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
82	827	Vũ Thị Giang	20/03/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
83	828	Nguyễn Bảo Khôi	31/05/2005	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
84	829	Lê Bình Minh	14/03/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
85	830	Hoàng Thị Minh Thu	05/01/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
86	831	Phạm Duy Anh	21/07/2005	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
87	832	Đặng Thị Ngọc Ánh	30/08/2003	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
88	833	Nguyễn Nhật Long	23/11/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
89	834	Nguyễn Quốc Cường	13/09/2000	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
90	835	Nguyễn Tuấn Minh	09/06/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
91	836	Đặng Tuấn Anh	01/07/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
92	837	Phạm Lê Như Anh	02/02/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
93	838	Nguyễn Tiến Minh	10/09/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
94	839	Nguyễn Thị Linh	21/03/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
95	840	Cao Thị Mai Chi	12/09/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
96	841	Nguyễn Tuấn Sơn	26/10/2002	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
97	842	Nguyễn Xuân Huy	10/03/2005	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
98	843	Nguyễn Đăng Hậu	14/10/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
99	844	Nguyễn Hồng Ánh	30/10/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
100	845	Nguyễn Kim Nghĩa	02/07/2004	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
101	846	Cao Hoàng Phương Linh	23/11/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
102	847	Nguyễn Ngọc Kim	02/01/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
103	848	Trần Bảo Nhi	05/11/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
104	849	Lại Văn Hào	02/09/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
105	850	Phương Bích Thùy	03/09/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
106	851	Nguyễn Văn Đức	14/09/2003	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
107	852	Đinh Thị Vân Anh	05/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
II	Hệ Trung cấp						
108	143	Nguyễn Hữu Đông	13/07/2006	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
109	144	Kiều Đăng Dương	25/08/2005	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
110	145	Đỗ Thị Lan Anh	24/11/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	

Danh sách gồm 110 thí sinh trúng tuyển ./.

